

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HS-PT
Ngày 01-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tông

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Bà Nguyễn Thị Thúy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 90/2017/TLPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo **Văn Thị H** do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2017/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Văn Thị H, sinh năm 1975 tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: Tổ 3, Ấp a, xã S N, huyện T C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; con ông Văn K (đã chết) và bà Hồ Thị H, sinh năm 1939; có chồng tên Vũ Ngọc V, sinh năm 1973 và 03 con: lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Chị Bùi Hoàng Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố a, thị trấn H, huyện HT, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Vũ Ngọc V, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 3, Ấp a, xã S N, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ 3, ấp C, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Anh Trương Văn S, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp a, xã S N, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (Tòa án không triệu tập).

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp a, xã S N, huyện T C, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp a, xã S N, huyện T C, tỉnh Tây Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã S N, huyện T C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2014, anh Vũ Ngọc V chồng của bị cáo Văn Thị H hùn vốn nuôi dê với anh Trương Văn S. Bị cáo H thuê của chị Nguyễn Thị C một căn nhà tạm trên phần đất tọa lạc tại Ấp a, xã S N, huyện T C sát chuồng nuôi dê được cất trên đất của vợ chồng bị cáo H để anh S ở và chăm sóc dê. Trong thời gian nuôi dê có chị Bùi Hoàng Thanh T đến ở chung nhà với anh S. Ngày 05/5/2016, anh S báo cho anh V biết chuyển dê đến nơi khác để nuôi nên sáng ngày 06/5/2016, bị cáo H đến nơi nuôi dê để kiểm tra, thấy chuồng dê bị tháo dỡ.

Đến 14 giờ 30 phút ngày 06/5/2016, bị cáo H cùng chồng thuê xe máy cày của anh Trần Thanh Đ ngụ tại Ấp a, xã S N, huyện T C, tỉnh Tây Ninh đến nơi nuôi dê để chở cây bị tháo dỡ về nhà. Cùng đi với anh V có con trai tên Vũ Ngọc M, sinh ngày 15/12/2000 và anh Nguyễn Văn Q là người quen với anh V do anh V nhờ đi cùng để phụ đưa cây lên xe máy cày. Đến nơi nuôi dê, bị cáo H cùng anh V, Q và cháu M đang khiêng cây lên xe máy cày thì chị T đến ngăn cản, hai bên cãi nhau, chị T kêu anh Lê Văn T, sinh năm 1974 là người quen của chị lên xe máy cày tuông cây xuống thì xảy ra đánh nhau. Anh T cầm 01 đoạn cây tròn đánh anh V trúng vào vai bên phải nên anh V giật cây của anh T và đánh lại, anh T bỏ chạy. Anh V và anh Q cầm cây đuổi theo đèn đường nhựa, anh T bị vấp té, anh V và anh Q cầm cây đánh anh T.

Bị cáo H tiếp tục lấy cây đưa lên xe máy cày. Khi bị cáo H khom người lấy cây thì chị T cầm một đoạn cây tròn đánh bị cáo H trúng vào nón bảo hiểm đang đội trên đầu nên bị cáo H dùng một đoạn cây vuông đánh lại trúng vào đầu chị T chảy máu. Hai người ôm nhau giằng co làm chị T té ngã xuống nền xi măng thì người dân đến can ngăn, đưa chị T đến Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh điều trị, đến ngày 13/5/2016, chị T được xuất viện.

Ngày 11/5/2016, anh Lê Văn T có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với những người gây thương tích cho anh.

Ngày 01/6/2016, chị Bùi Hoàng Thanh T có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với những người gây thương tích cho chị.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Văn Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Kết quả giám định: Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 118 ngày 07/7/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Bùi Hoàng Thanh T do thương tích gây nên hiện tại là 09%.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 đoạn gỗ hình trụ, dài 122cm, đầu lớn đường kính 4,2cm bị vạc hai bên, đầu nhỏ đường kính 04cm bị vạc tròn; có 02 cây đinh loại 07 phân (dài 07cm) được đóng vào thân gỗ, trong đó: một cây đinh xuyên qua thân đoạn cách đầu lớn 28cm, đầu nhọn cách thân 0,9cm, đầu bằng cách thân 01cm; Một cây đinh cách đầu nhỏ 37cm, đầu bằng cách thân 2,5cm, đầu nhọn chưa xuyên qua thân;

- 01 đoạn gỗ dài 93cm, một đầu kích thước (3x3,6)cm, một đầu gãy nham nhở;

- 01 đoạn gỗ dài 84cm, một đầu kích thước (3x3)cm, một đầu gãy nham nhở (hung khí H dùng đánh T);

- 01 nón bảo hiểm màu hồng, lưỡi trai màu đen, có vết nứt kích thước (8x0,9) cm cách lưỡi trai 04cm (nón bảo hiểm của Văn Thị H).

* Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Bùi Hoàng Thanh T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổng cộng là 200.000.000 đồng gồm: Các khoản chi phí điều trị, tiền công lao động, tiền mất sức khỏe là 150.000.000 đồng; tiền tài sản bị mất 50.000.000 đồng

* Đối với: Vũ Ngọc V và Nguyễn Văn Q có hành vi dùng cây đánh Lê Văn T. Nhưng từ khi làm đơn yêu cầu xử lý hình sự, T đã đi đâu chưa xác định được nên chưa giám định được tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Văn T do thương tích gây nên; khi nào T có yêu cầu tiến hành giám định thương tích sẽ xem xét xử lý sau.

* Đối với: Vũ Ngọc M sinh ngày 15/12/2000 tính đến ngày Văn Thị H đánh gây thương tích cho Bùi Hoàng Thanh T thì M chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không tham gia đánh nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2017/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017, Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; căn cứ Nghị Quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội khóa XIII; Nghị quyết Quốc hội số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt

bị cáo **Văn Thị H** 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Văn Thị H về Ủy ban nhân dân xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trách nhiệm bồi tH thiệt hại:

Buộc bị cáo Văn Thị H bồi tH cho bị hại Bùi Hoàng Thanh T các khoản điều trị vết thương, chi phí cấp cứu, tiền mất thu nhập, tổng số tiền là 11.194.160 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bị hại Bùi Hoàng Thanh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị mất là 9.500.000 đồng và trị giá 01 điện thoại di động Iphone 5S là 7.500.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, chị Bùi Hoàng Thanh T là bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Văn Thị H; truy tố thêm 03 người là Vũ Ngọc V, Vũ Ngọc M và Nguyễn Văn Q và tăng tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm và tài sản đã mất cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm và đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Bùi Hoàng Thanh T về tăng hình phạt đối với bị cáo và xử lý trách nhiệm hình sự đối với V, Q, M; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về tăng tiền bồi thường tổn thất về tinh thần.

Bị cáo Văn Thị H không có ý kiến tranh luận, đồng ý bồi thường 15.000.000 đồng cho bị hại về tiền bù đắp tổn thất về tinh thần.

Bị hại chị Bùi Hoàng Thanh T giữ nguyên kháng cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo có lỗi là gây thương tích cho bị hại, xin lỗi chị T, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vũ Ngọc V, Vũ Ngọc M, Nguyễn Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu xử lý hình sự đối với Vũ Ngọc V, Vũ Ngọc M, Nguyễn Văn Q.

Người làm chứng Trần Văn T không chứng kiến từ đầu khi bị hại bị thương tích trên đỉnh đầu, chỉ nhìn thấy Q và V đánh anh T, sau đó nhìn thấy bị cáo ngồi đè trên bụng bị hại thì có người can ngăn.

Người làm chứng Nguyễn Thị Kim Y khai thương tích trên đỉnh đầu bị hại còn do Vũ Ngọc V (Hùng) gây ra nhưng quá trình điều tra V không thừa nhận.

Người làm chứng là ông Nguyễn Thế T, là người đã chở bị hại đến Công an xã S N, huyện T C, sau đó chở bị hại từ Công an xã S N, huyện T C về nơi xảy ra vụ án đã khai báo rõ tình tiết của vụ án, bị hại đã sử dụng cây đánh trước vào đầu bị cáo khi bị cáo đang đội nón bảo hiểm, sau đó bị cáo dùng cây đánh vào đầu bị hại, M (con của bị cáo) dùng cây đánh vào tay bị hại, V dùng cây đánh vào chân bị hại. Lời khai của ông T là người thân thích của bị hại khai là có căn cứ xác định Nguyễn Văn Q không tham gia đánh gây thương tích cho bị hại.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 118/2016/TgT ngày 07/7/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận:

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Bùi Hoàng Thanh T do thương tích gây nên hiện tại là: 09%.

Kết luận khác:

- Thương tích không ảnh hưởng thẩm mỹ.

- 02 vết sẹo vùng đỉnh đầu từ trước ra sau:

+ Vết thứ nhất, kích thước 1,5 x 0,5 cm lành tốt, có tóc che có tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01%.

+ Vết thứ hai, kích thước 4 x 0,6 cm lành tốt, có tóc che có tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 08%.

- 07 vết xước 1/3 giữa ngoài vùng cánh tay trái, kích thước như nhau 2,5 x 0,1 cm, lành tốt mỗi vết có tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01%.

- 01 vết sẹo bờ ngoài mặt sau cổ tay trái, kích thước 1 x 0,1 cm, lành tốt có tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01%.

Như vậy, ngoài vết thương ở đỉnh đầu ra, bị hại không có vết thương ở chân nên loại trừ anh Vũ Ngọc V (H) gây thương tích cho bị hại. Riêng vết thương ở tay trái bị hại, quá trình điều tra không xác định được ai gây thương tích; theo người làm chứng Nguyễn Thế T là do M gây ra, nhưng tại thời điểm xảy ra vụ án, M được 15 năm 5 tháng 20 ngày tuổi, với tuổi này thì M chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, không phải chịu trách nhiệm hình sự (nếu có gây thương tích). Mặt khác, bị cáo là mẹ ruột của M, có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe bị hại bị xâm phạm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vũ Ngọc V, Nguyễn Văn Q, Vũ Ngọc M.

[2] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết hành vi của bị cáo Văn Thị H thực hiện đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, còn ảnh hưởng gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cha và mẹ ruột là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương cao quý của Nhà nước. Các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngoài ra, bị cáo còn được Tổng Công ty Cao su Việt Nam tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc năm 2005; được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2006, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, tình tiết giảm nhẹ này Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chưa áp dụng.

Bị cáo có cha và mẹ ruột là người có công với cách mạng chỉ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nhưng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không chính xác.

[4] Xét kháng cáo của chị Bùi Hoàng Thanh T yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Văn Thị H, xét thấy trong vụ án bị hại có lỗi là dùng cây đánh bị cáo trước, bị cáo gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại 09%, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt nên xử phạt bị cáo 09 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng tiền bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm thấy rằng có căn cứ chấp nhận các khoản sau đây:

-Tiền viện phí: 4.927.000 đồng.

-Tiền xe: 2.000.000 đồng.

-Tiền mất thu nhập của bị hại: Bị hại nhập viện lần 01: 06/5/2016, xuất viện ngày 13/5/2016; nhập viện lần 2 ngày 01/6/2016 xuất viện ngày 02/6/2016, tổng cộng từ ngày 06/5 đến ngày 02/6 là 26 ngày, cộng với 15 ngày sau khi xuất viện, tổng cộng 41 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng, số tiền là 6.150.000 đồng.

Tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 7 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng, số tiền là 1.050.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại yêu cầu bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật, bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, xét thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường 29.127.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền bị mất 9.500.000 đồng và 01 điện thoại bị mất có giá trị 7.500.000 đồng, xét thấy không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Riêng yêu cầu bồi thường về tài sản khác có tại nhà nuôi dê là tranh chấp dân sự sẽ được giải quyết theo tố tụng dân sự nếu bị hại có yêu cầu, không giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Văn Thị H phải chịu 1.456.350 đồng (5% x 29.127.000 đồng tiền bồi thường). Chị T phải chịu 850.000 đồng (5% x 17.000.000 đồng là số tiền và giá trị điện thoại).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (do yêu cầu kháng cáo bồi thường tiền và điện thoại bị mất không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận).

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh về hình phạt đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Văn Thị H 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Văn Thị H về Ủy ban nhân dân xã S N, huyện T C, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Sửa Bản án sơ thẩm về phần quyết định bồi tH thiệt hại.

Bị cáo Văn Thị H phải bồi thường thiệt hại về viện phí, tiền xe, tiền mất thu nhập, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị Bùi Hoàng Thanh T số tiền 29.127.000 (Hai mươi chín triệu, một trăm hai mươi bảy ngàn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Hoàng Thanh T yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị mất gồm: số tiền là 9.500.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 5S có giá trị là 7.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban TH vụ Quốc hội.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 1.456.350 đồng. Chị T phải chịu 850.000 đồng.

-Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024294 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng KTNV TAND tỉnh;
- Phòng PV 27 CA tỉnh;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cụcTHA dân sự huyện;
- Công an cấp xã (nơi cư trú của bị cáo);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Tông